

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11
GV: Phạm Thị Hà
Ngày soạn: 10/10 /2025

Ngày dạy: Tuần 7,8,9,10,11(Tiết 23-34, T25,26-27,31 Ôn tập, Kiểm tra, Trả bài GK1)

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 9 tiết

(Đọc: 5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh): trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm; cấu trúc văn bản chặt chẽ, mở đầu và kết thúc gây ấn tượng, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội (kết cấu bài có ba phần; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ).

2. Về năng lực:

3. Về phẩm chất:

- Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

**Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống*

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 25,26 - VĂN BẢN 1

CHIẾU CẦU HIỀN (Ngô Thì Nhậm)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được đặc điểm của chiếu như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại.
- Nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố hỗ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua Cầu hiền chiếu - văn bản được vua Quang Trung uỷ nhiệm cho ông viết.

2. Về năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: lựa chọn hình thức làm việc nhóm có quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ; biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

3. Về phẩm chất:

Học sinh thể hiện được thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy chiếu, micro, bảng, phấn.

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa Ngữ văn 11 (tập 1), bộ KNTT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung thực hiện:** GV chiếu một số hình ảnh, HS liên tưởng đến hoạt động, đặc điểm, tính chất được gọi ra từ hình ảnh.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện.**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - HS quan sát hình ảnh, nêu các hoạt động, đặc điểm, tính chất được gọi ra từ hình ảnh (Hình ảnh có trong slide PPT). - HĐ cá nhân. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát tranh, nêu được các từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm. B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày câu trả lời. - Các HS khác nhận xét, chỉnh sửa. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét HĐ của HS - GV dẫn dắt vào từ CẤU TRÚC → GIỚI THIỆU BÀI HỌC MỚI.	- Hình ảnh 1: Sắp xếp - Hình ảnh 2: Tổ chức - Hình ảnh 3: Liên kết/Kết nối

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. **Mục tiêu hoạt động:**

- Nhận biết được cấu trúc của văn bản nghị luận với các thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng với nhau.

- Nhận biết được các yếu tố hỗ trợ (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm) và vai trò của chúng trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng kiến thức trong phần “Tri thức ngữ văn” để áp dụng vào văn bản luyện tập.

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu hỗ trợ giáo viên đưa.
- Tóm tắt kiến thức cơ bản bằng sơ đồ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Đọc kĩ phần Tri thức Ngữ văn (SGK), tóm tắt ngắn gọn kiến thức bằng sơ đồ. - Hoạt động cá nhân (5 phút) B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện vẽ sơ đồ để tóm tắt kiến thức. B3. Báo cáo thảo luận - GV gọi 1,2 HS trình bày. - Các HS khác lắng nghe và góp ý. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Gv nhận xét chung. - GV chốt kiến thức cơ bản.	1. Cấu trúc của văn bản nghị luận. - Thành tố: + Luận đề: thành tố bao trùm, định hướng việc triển khai luận điểm. + Luận điểm: là sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng để làm nổi bật các khía cạnh của luận đề. + Lí lẽ: nhằm giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm sáng tỏ và đứng vững + Bằng chứng: góp phần xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ. → Mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận. 2. Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận. - Thuyết minh: giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. - Miêu tả: tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. - Tự sự: kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - Biểu cảm: bộc lộ cảm xúc, tình cảm của người viết, làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: CHIẾU CẦU HIỀN

2.1. Đọc và tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS biết đọc diễn cảm một bài chiếu của vua. Nắm vững các kĩ năng đọc.
- Nắm bắt những nét khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của bài chiếu.

b. Nội dung:

- Đọc diễn cảm văn bản.
- Gạch chân thông tin về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm:

- Phần đọc và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - Đọc diễn cảm theo nhóm 4, chú ý giọng đọc. - Xác định các kĩ năng đọc và Chia sẻ câu trả lời trong hộp chỉ dẫn. 2. Gạch chân những thông tin cơ bản về tác giả và hoàn cảnh ra đời của văn bản? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ đã phân công B3. Báo cáo thảo luận. - GV gọi 1, 2 HS đọc diễn cảm trước lớp và chia sẻ kĩ năng đọc. - GV gọi 1, 2 HS nêu những thông tin nổi bật nhất về tác giả, văn bản. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV gọi HS nhận xét. - GV nhận xét chung và chốt KT cơ bản. - GV giảng thêm: Ngô Thì Nhậm là một trí thức chân chính khi bước qua lời nguyên lịch sử - “Tôi trung không thờ hai chúa” của Nho giáo - đã thể hiện một tầm nhìn quảng đại, một thái độ mềm dẻo, linh hoạt trong ứng xử. Những cống hiến của ông gắn liền với triều đại Tây Sơn – Nguyễn Huệ, một triều đại vinh quang mà để đến được với nó, ông đã dũng cảm đương đầu với những dư luận nghiệt ngã, kể cả cái chết bằng một trận đòn thù.	I. Đọc và tìm hiểu khái quát về văn bản. 1. Đọc diễn cảm 2. Tác giả - Ngô Thì Nhậm (1746-1803). - Từng đỗ tiến sĩ và ra làm quan cho triều đại Lê - Trịnh. - Ông là người có công lớn đối với triều đại Tây Sơn. 3. Văn bản - Hoàn cảnh sáng tác: Sau khi vua Quang Trung thiết lập triều đại mới, các sĩ phu Bắc Hà - những người vốn gắn bó với triều đại cũ (Lê - Trịnh) - chưa thực sự đồng lòng ủng hộ. Có nhiều người còn tỏ thái độ bất hợp tác. → Vua Quang Trung sai Ngô Thì Nhậm viết chiếu cầu hiền.
--	---

2.2. Khám phá văn bản.

a. Mục tiêu hoạt động:

- Nắm được đặc điểm của chiếu như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại.
- Nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố hỗ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua Cầu hiền chiếu - văn bản được vua Quang Trung uỷ nhiệm cho ông viết.

b. Nội dung thực hiện:

- Triển khai đọc hiểu văn bản qua các hình thức: thực hiện phiếu học tập, thảo luận cặp, nhóm, phát vấn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ. - HS tìm hiểu về mục đích và đối tượng hướng tới của bài chiếu. - Hoạt động cặp đôi, hoàn thành PHT số 1. B2. Thực hiện nhiệm vụ.	II. Khám phá văn bản 1. Lí do, mục đích và đối tượng hướng tới của văn bản. - Mục đích: Kêu gọi những người hiền tài của chế độ cũ (nhà Lê) ra cộng tác với triều đại mới Tây Sơn do vua Quang Trung đứng đầu để chung tay

- HS kết hợp nhóm đôi, đọc kĩ và hoàn thành PHT số 1

B3. Báo cáo thảo luận.

- GV cho các cặp đôi đối chéo và sửa bài.
- Gọi 1 vài cặp đôi chia sẻ trước lớp.
- Các cặp khác nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét chung.

- Chốt lại KT cơ bản

* GV mở rộng:

- Quan niệm: “tôi trung không thờ hai chủ”- Câu này có nghĩa rằng, những bề tôi trung thành sẽ không phụng sự 2 vị quân vương.
- Cách lên ngôi của Vua Quang Trung chưa được xem là chính thống.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu NT lập luận của VB

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong bài chiếu theo nhóm 4 HS.
- Dựa vào các câu hỏi 3,4 trong SGK để trả lời và hoàn thành PHT số 2.

B2. Thực hiện nhiệm vụ.

- HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT số 2 trong vòng 10 phút.

B3. Báo cáo thảo luận.

- GV cho các nhóm HS đối chéo sp để nhận xét, góp ý, chữa bài.
- GV gọi 1 vài nhóm trình bày kết quả thảo luận theo từng phần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét chung.
- GV chốt lại KT cơ bản.

xây dựng đất nước trong giai đoạn đầy đầy những khó khăn.

- **Đối tượng hướng đến:** Các sĩ phu Bắc Hà: những người có học, có tài, từng gắn bó với triều với triều đình Lê- Trịnh, bất hợp tác, chống lại nhà Nguyễn Tây Sơn.

- **Khó khăn của tác giả:** Phải đối diện với:

+ Thái độ **cố chấp:** nếp nghĩ “tôi trung không thờ hai chủ” đã ăn sâu vào ý thức của người sĩ phu (vì chữ “Trung” với triều đại cũ nên có người bỏ đi ở ẩn, có người tự chôn sống mình)

+ **Nỗi lo sợ:** khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ → có thể sẽ bị triều đại mới thanh trừng để tiêu diệt mầm mống phản loạn nên họ giữ thái độ im lặng, làm việc cầm chừng.

+ **Sự nghi ngờ:** triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống (nguồn gốc xuất thân của vua Quang Trung), họ chưa có thiện cảm.

→ Trong bối cảnh ấy, dùng tờ chiếu để thay đổi nhận thức, tạo niềm tin, giúp những tri thức tài năng dẹp bỏ nghi kỵ, sẵn sàng ra cộng tác với triều đại Tây Sơn là việc làm vô cùng nan giải.

2. Nghệ thuật lập luận của văn bản

* **Luận đề:** Chiêu mộ người hiền tài ra giúp vua dựng xây đất nước.

* **Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm.**

- LD 1: Theo lẽ phải: người hiền tài cần phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống
→ Nêu chân lí phổ quát.

- LD 2: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua rất mong mỏi hiền tài.

→ Thực trạng ứng xử (lánh đời) của người hiền và sự mong mỏi khẩn thiết của nhà vua.

- LD 3: Những khó khăn của buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài ra giúp nước.

→ Lí do và mục đích cầu hiền.

- LD 4: Cách thức chiêu mộ, sử dụng hiền tài. → Giải pháp, cách thức cầu hiền.

→ Giữa các luận điểm có mối quan hệ chặt chẽ: phần 1 là cơ sở để nêu phần 2; phần 2 tất yếu sẽ dẫn đến nội dung cần trình bày ở Phần 3, nhờ 3 phần trên mà cách thức nêu ra ở phần 4 mới hợp lí.

* **Lí lẽ và bằng chứng cho mỗi luận điểm:**

- LD 1:

+ Lí lẽ: Từng nghe nói rằng: người hiền xuất hiện ở đời thì như sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp đó, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

- LD 2:

+ Lí lẽ: Trước đây thời thế suy vi, kẻ sĩ trốn tránh việc đời là điều dễ hiểu → Nay, đất nước thống nhất, nhà vua mong mỏi, kẻ sĩ vẫn chưa lộ diện.

+ Bằng chứng: Kẻ sĩ ở ẩn trong ngôi khe, trốn tránh việc đời; những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng; có kẻ gõ mõ canh cửa, có kẻ ra biển vào sông...

- LD 3:

+ Lí lẽ: Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể chống đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình.....Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này....?

+ Bằng chứng: buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi.

- LD 4:

+ Lí lẽ: Trước đây hiền tài nên ẩn náu. Nay trời đất thanh bình là lúc hiền tài gặp hội gió mây...

+ Bằng chứng: về các hình thức chiêu mộ hiền tài: dâng sớ tâu bày; tiến cử, tự tiến cử.

→ Lí lẽ là những suy luận logic, mang tính chân lý và chính danh cho bài chiếu nên ai cũng phải thừa nhận.

→ Bằng chứng được lấy từ thực tế liên quan đến đời sống, cho nên rất khó bác bỏ

*** Các yếu tố bổ trợ.**

- **Biểu cảm:**

+ Nay trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi...Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể phụng sự vương hầu chăng?

+ Trẫm nơm nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh.

- **Thuyết minh:**

+ Trước đây thời thế suy vi, trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngôi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng...

Nhiệm vụ 3: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc lại bài chiếu và trả lời câu hỏi 5,6 trong SGK. - Thảo luận cặp đôi B2. Thực hiện nhiệm vụ. - HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành PHT số 3 trong vòng 5 phút. B3. Báo cáo thảo luận. - GV cho các nhóm HS đối chéo sp để nhận xét, góp ý, chữa bài. - GV gọi 1 vài nhóm trình bày kết quả thảo luận theo từng phần. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét chung. - GV chốt lại KT cơ bản.	+ Thuyết minh về tình hình khó khăn của đất nước: Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. + Chiếu này dâng xuống..... → Việc phối hợp các yếu tố biểu cảm, thuyết minh với lí lẽ bằng chứng như nêu trên khiến nội dung trở nên rõ ràng, tường minh, văn bản tăng thêm sức thuyết phục, tác động mạnh vào lí trí và tình cảm của người đọc. 3. Sức thuyết phục của bài chiếu và tình cảm của người viết. * Sức thuyết phục của bài chiếu: - Có một tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại được thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài giúp vua dựng đất nước. - Có các luận điểm rõ ràng, mạch lạc, quan hệ với nhau rất chặt chẽ. - Có lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết. * Tình cảm của người viết: “Nhập vai” vua Quang Trung viết bài chiếu, NTN hiểu được tầm quan trọng của việc ban chiếu, yêu cầu về tính thuyết phục của tờ chiếu khi hướng tới những đối tượng đặc biệt. Qua đó, ông gửi gắm những khát vọng lớn lao: muốn thuyết phục người hiền tài vượt qua những e dè, nghi ngại, đồng tâm hợp lực để cùng vua xây dựng triều đại mới, cũng chính là làm cho đất nước ngày càng vững mạnh. Đây là tư tưởng tiến bộ nhất trong suốt các triều đại phong kiến Việt Nam của một người toàn tâm toàn ý với đại nghiệp quốc gia.
---	--

CÁC PHIẾU HỌC TẬP

PHT số 1: Mục đích và đối tượng hướng tới của văn bản.

Câu hỏi	Trả lời
- Dựa vào thông tin về bối cảnh lịch sử, vị thế của người viết, ý nghĩa của nhan đề và 1 số câu văn quan trọng trong văn bản, xác định lí do, mục đích viết bài chiếu?	* Mục đích:

- Đối tượng chiếu cầu hiền hướng tới là những con người như thế nào trong XH thời đó? Họ có gì đặc biệt?	* Đối tượng:
- Sự đặc biệt của họ khiến cho tác giả phải đối diện với những khó khăn gì trong việc thuyết phục các đối tượng đó ra gánh vác việc nước?	* Những khó khăn của người viết trong việc thuyết phục đối tượng:

PHT số 2: Nghệ thuật lập luận của văn bản

Phần/ Đoạn	Xác định luận điểm.	Xác định lí lẽ	Xác định bằng chứng	Xác định yếu tố hỗ trợ
1			X	X
2				- Thuyết minh: - Biểu cảm
3				- Thuyết minh. - Biểu cảm:
4				Thuyết minh:
* Nhận xét về luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng và các yếu tố hỗ trợ:				

PHT số 3: Sức thuyết phục của bài chiếu và tình cảm của người viết.

Sức thuyết phục của bài chiếu	Tình cảm của người viết
Nhận xét các yếu tố: - Luận đề: - Luận điểm: - Lí lẽ, bằng chứng:	Người viết bày tỏ khát vọng:

2.3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: củng cố đặc điểm của văn nghị luận nói chung và đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện trong bài chiếu nói riêng.

b. Nội dung: Đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện qua bài chiếu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. - HS suy nghĩ và khái quát lại những đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện qua bài Chiếu cầu hiền. B2. Thực hiện nhiệm vụ:	III. Tổng kết đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện trong bài chiếu - Các yếu tố tạo nên cấu trúc của VBNL: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tổ chức, sắp xếp logic, chặt chẽ.

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: - GV gọi 1,2 HS trả lời câu hỏi. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và chốt kiến thức cơ bản.	- Xác định mục đích, thái độ, tình cảm của người viết: khát vọng thuyết phục hiền tài chung sức xây dựng và phát triển đất nước. - Đánh giá nội dung, ý nghĩa của văn bản: bài học, thông điệp ý nghĩa. + Nhận thức vai trò của người hiền tài với đất nước. + Thái độ: yêu quý, trân trọng hiền tài. + Hành động: có chính sách bồi dưỡng, phát triển và chiêu mộ hiền tài.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài cáo, HS viết kết nối với đọc.

b. Nội dung thực hiện: Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ:

- **(1) Thảo luận nhóm:** Kể những hình thức chiêu mộ hiền tài của Đảng và đất nước ta hiện nay.

- **(2) Thực hiện về nhà:** Hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: ***Con người sẽ trở nên hạnh phúc và thành công nhất khi được cống hiến*** .

+ Đoạn văn đảm bảo về mặt hình thức: đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, khoảng 150 chữ.

+ Yêu cầu về nội dung:

_ Giải thích được lối sống cống hiến là gì?

_ Tại sao con người sẽ trở nên hạnh phúc và thành công nhất khi được cống hiến? (Sử dụng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ vai trò của lối sống cống hiến trong việc đem đến hạnh phúc và thành công cho con người)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi trong yêu cầu 1.

Yêu cầu 2 thực hiện ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần thảo luận nhóm của nhóm mình.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.

GV dặn dò HS về nhà làm bài tập và chuẩn bị bài đọc tiếp theo.

TÔI CÓ MỘT GIÁC MƠ**(Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*)****-Martin Luther King-****I. MỤC TIÊU****Giúp HS:****1. Về kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,..) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.

2. Về năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ý lại vươn lên để có lối sống tự lực.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp

3. Về phẩm chất:

- Sống có ước mơ, khát vọng chính đáng.
- Bồi dưỡng tình yêu thương con người, yêu tự do, hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập**2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu hoạt động:**

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học: Giá trị của những văn kiện chính trị làm thay đổi xã hội, bên cạnh đó còn là áng văn chương có sức lay động lòng người.
- Học sinh nhớ lại kiến thức đã học trước đó.

b. Nội dung thực hiện:

- Vận dụng tri thức đã biết và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề;
- Học sinh biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để tiếp cận nội dung;
- Giáo viên khuyến khích Hs nói lên suy nghĩ của mình

c. Sản phẩm:

Hs trao đổi suy nghĩ của mình

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Gv thiết kế trò chơi “Ô cửa bí mật” Học sinh trả lời 5 câu hỏi và nêu suy nghĩ về bức ảnh được giấu sau các ô cửa Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Dự kiến sản phẩm Câu 1. Hãy kể tên các văn kiện chính trị của lịch sử dân tộc Việt Nam có tính chất văn chương đậm nét? - Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Chiếu cầu hiền, Nam quốc sơn hà. - Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Nam Quốc sơn hà, Bảo kính cảnh giới số 43. - Hịch tướng sĩ, Chiếu cầu hiền, Bình Ngô đại cáo, Tuyên ngôn Độc lập. - Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Phú sông Bạch Đằng, Tuyên ngôn Độc lập. (Đáp án C) Câu 2. Hai câu thơ: “Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương” nói lên điều gì? - Khát vọng làm nên sự nghiệp lớn của Nguyễn Trãi. - Khao khát đất nước bình yên, nhân dân ấm no hạnh phúc. - Ca ngợi tài đàn của vua Ngu Thuần. - Mong ước cuộc sống giàu sang, quyền quý. (Đáp án b) Câu 3. Mong ước của Bác trong câu nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” hướng đến những đối tượng nào? - Nước ta, dân ta, đồng bào ta. - Toàn thể kiều bào. - Toàn thể nhân loại. - Toàn thể chúng sinh. (đáp án a) Câu 4. Theo em, một cộng đồng bình đẳng là một cộng đồng như thế nào? (mọi người được tôn trọng quyền sống, quyền tự do và hạnh phúc; không phân biệt đối xử, không kì thị; được pháp luật bảo vệ quyền lợi...) Câu 5. Bức hình này gợi cho em suy nghĩ về điều gì?

	Nguồn bức ảnh: https://laodong.vn/the-gioi/6-phu-nu-goc-a-thiet-mang-trong-vu-xa-sung-tai-my-lam-day-len-lo-ngai-890724.ldo - Bức ảnh ghi lại cảnh Người dân khu Phố người Hoa ở Washington phản ứng với vụ xả súng ở các spa tại Atlanta hôm 16/03/2021 làm 8 người chết, trong đó có 6 người Mỹ gốc Á. - Gợi lên những suy nghĩ về nạn phân biệt chủng tộc vẫn còn đâu đó trên đất nước Mỹ, và trên toàn thế giới; Cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc vẫn chưa có hồi kết... (Gv cần trở lại chủ đề này trong phần luyện tập để khắc sâu suy nghĩ về sự cần thiết của việc xác lập sự công bằng, bình đẳng trong mọi cộng đồng)
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản.

a. Mục tiêu hoạt động:

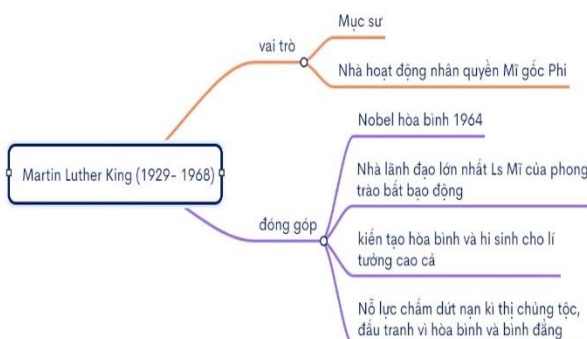
- Hs nắm được thông tin cơ bản về Martin Luther King.
- Nhận biết được nguồn gốc, xuất xứ của bài diễn văn.

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện sơ đồ hóa thông tin về tác giả và trả lời câu hỏi về văn bản.
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên yêu cầu Hs vẽ sơ đồ tư duy về cuộc đời và đóng góp của Martin Luther King - Gv yêu cầu Hs xác định thể loại văn bản - GV yêu cầu Hs đọc văn bản, trong khi đọc chú ý các thể đọc - Gv yêu cầu Hs trao đổi cặp đôi để xác định cấu trúc văn bản Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh tham khảo sgk, vẽ sơ đồ đối với yêu cầu 1; suy nghĩ độc lập với yêu cầu 2; Chú ý đọc giọng hùng hồn mà tha thiết với yêu cầu 3; Trao đổi cặp với yêu cầu 4 Bước 3. Báo cáo, thảo luận	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả  <pre> graph LR MLK["Martin Luther King (1929-1968)"] MLK --- vai_trò["vai trò"] vai_trò --- muc_su["Mục sư"] vai_trò --- nha_hoat_dong["Nhà hoạt động nhân quyền Mỹ gốc Phi"] MLK --- dong_gop["đóng góp"] dong_gop --- nobel["Nobel hòa bình 1964"] dong_gop --- nha_lanh_dao["Nhà lãnh đạo lớn nhất Ls Mĩ của phong trào bất bạo động"] dong_gop --- kien_tao["kiến tạo hòa bình và hi sinh cho lí tưởng cao cả"] dong_gop --- noi_luc["Nỗ lực chấm dứt nạn kì thị chủng tộc, đấu tranh vì hòa bình và bình đẳng"] </pre> https://app.zenflowchart.com/mindmap/kdCkeJd2xal6ULOtX4OU?fbclid=IwAR0Gd9S4d0rM1

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo)

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

- Cho HS nghe một đoạn video về bài diễn văn để HS cảm nhận tính nhiệt hừng của văn bản trước công chúng.

Link xem bài diễn văn:
https://www.youtube.com/watch?v=vP4iY1TtS3s&t=54s&ab_channel=RAREFACTS

[Vo36hpUF3ZSV RNkMSGHOA47kDldDs G D KvO4XZcAcRyk](#)

(SD người soạn về online, thầy/cô có thể chỉnh sửa)

2. Văn bản

a. Xuất xứ

- Tôi có một ước mơ là nhan đề bài diễn văn được Martin Luther King phát biểu trên bậc thềm đài tưởng niệm Tổng thống Lin- côn, ủng hộ phong trào đòi quyền công dân vào ngày 28/8/1963.

- Lời lẽ bài diễn văn góp phần gây áp lực, buộc Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Dân quyền năm 1964 dưới thời Tổng thống Lin-đơn Bai-nơ Giôn- xon, quy định cấm phân biệt chủng tộc trên khắp nước Mỹ.

b. Thể loại: Văn chính luận

b. Cấu trúc văn bản

- Luận đề: Kêu gọi hành động đấu tranh vì tự do, bình đẳng của người da đen trên đất Mĩ (mục đích hướng tới trong phần ĐVĐ)

- Luận điểm (phần GQVĐ):

+ Thực trạng cuộc sống người da đen trái ngược với những gì đã tuyên bố trong “Tuyên ngôn giải phóng nô lệ”;

+ Cần xác định thời điểm quan trọng để đòi lại công lí cho người da đen;

+ Cần có thái độ đấu tranh kiên quyết nhưng không bạo lực;

+ Cần đoàn kết và luôn tiến về phía trước trong cuộc đấu tranh đòi công lí

+ Thể hiện niềm tin, ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.

- Phần kết: Khẳng định lại niềm tin và ước mơ.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu hoạt động:

- HS phân tích được cấu trúc của văn bản và các yếu tố hỗ trợ, qua đó nắm được tình cảm của tác giả.

- Kết nối văn bản trải nghiệm với cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ.

b. Nội dung thực hiện:

- HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ..

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Khám phá tính thuyết phục của việc trình bày các quan điểm Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10- 12 Hs (lớp có từ 40-45 hs) để HS tìm hiểu về cách trình bày quan điểm của tác giả một cách thuyết phục, biểu cảm. + Nhóm 1: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 1 + Nhóm 2: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 2, 3 (chỉ chọn 1 trong 2 luận điểm) + Nhóm 3: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 4 + Nhóm 4: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 5 - Mỗi nhóm cử 1 trưởng nhóm để điều hành, 1 thư kí (ngồi vị trí trung tâm) để ghi chép, một số bạn thông tin và phản biện (nhiệm vụ thông tin là ghi chép các nội dung báo cáo từ các nhóm khác và nêu lên những nội dung trọng tâm cần đưa ra để phản hồi nhóm bạn; nhiệm vụ phản biện là nêu và trả lời câu hỏi phản biện...) - Thời gian hoạt động nhóm là 05 phút, thời gian báo cáo là 03 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm theo cách thức đã nêu và ghi phiếu học tập số 1 (xem phụ lục) Bước 3. Báo cáo, thảo luận Hs chia sẻ bài làm của nhóm, các nhóm nhận xét bổ sung và đánh giá theo bảng kiểm (phụ lục) Bước 4. Kết luận, nhận định	II. Đọc hiểu văn bản 1. Sự thuyết phục của các quan điểm trong văn bản. - Luận điểm 1: Thực trạng cuộc sống người da đen trái ngược với những gì đã tuyên bố trong “Tuyên ngôn giải phóng nô lệ” + Lí lẽ: -- Một trăm năm trước, Lin-côn đã ký bản Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ -- Nhưng một trăm năm sau người da đen vẫn chưa được tự do. + Dẫn chứng: Một trăm năm sau... bị trói trong gông cùm của phân biệt...sống cô đơn... gầy mòn trong những góc ngách...-> sinh động, cụ thể, khái quát được tình trạng bất ổn, cô độc của người da đen + Yếu tố bổ trợ: Lặp cấu trúc câu khẳng định “Một trăm năm...”, hình ảnh ẩn dụ-> nhấn mạnh thái độ bất bình trước sự bất công, kì thị còn là một thực trạng nhức nhối; tha thiết bày tỏ mong muốn chấm dứt thảm trạng này. - Luận điểm 2: Cần xác định thời điểm quan trọng để đòi lại công lí cho người da đen + Lí lẽ: -- Một loạt câu khẳng định điệp ý diễn tả tính cấp bách của thời khắc Ngay Bây Giờ “Đây là lúc...” -- Chỉ ra những tác hại nếu phớt lờ vấn đề cấp bách + Dẫn chứng: Mùa hè ngột ngạt của người da đen...những cuộc nổi dậy... + Yếu tố bổ trợ: Nghệ thuật điệp câu chứa mệnh đề khẳng định “đây là lúc...” nhấn mạnh sự dứt khoát, quyết liệt cần phải hành động kịp thời; hình ảnh ẩn dụ-> tạo tính hàm súc, có những gợi mở lớn cho văn bản. - Luận điểm 3: Cần có thái độ đấu tranh kiên quyết nhưng không bạo lực + Lí lẽ: -- Không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo sa vào bạo loạn. -- Tinh thần chiến đấu quật cường mới vừa trào sôi ...không được đẩy đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng.

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản (* Lưu ý điệp khúc “tôi mơ rằng...” ban đầu không có trong văn bản, giây phút Martin Luther King bất chợt dừng lại tích tắc thì ca sĩ nhạc phúc âm Mahalia Jackson đứng cách bục phát biểu hơn 4 m, hét lên: "Hãy nói với họ về giấc mơ, Martin", từ đó ông đề từ diễn văn đã chuẩn bị sang một bên và nói bằng tiếng nói từ trái tim mình)

+ Dẫn chứng: Có rất nhiều người da trắng đã nhận ra vận mệnh của họ gắn liền với vận mệnh của người da đen, rằng tự do của họ không thể tách rời với tự do của người da đen->những điều mắt thấy tai nghe, thuyết phục có ý nghĩa trấn an mạnh mẽ.

+ Yếu tố hỗ trợ: Điệp cấu trúc câu mệnh lệnh->khẳng định cần có cách đấu tranh đúng đắn, bất bạo động-> tư tưởng nhân văn cao cả.

- **Luận điểm 4:** Cần đoàn kết và luôn tiến về phía trước trong cuộc đấu tranh đòi công lí

+ Lí lẽ:

-- Chúng ta không thể quay lại...

-- Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng...

+ Bằng chứng: Người da đen vẫn còn là những nạn nhân cam lạng của vấn nạn bạo lực từ cảnh sát; không thể tìm được chốn nghỉ chân trong quán trọ ven xa lộ hay khách sạn trong thành phố; bị tước đoạt nhân phẩm và lòng tự trọng bởi những tấm biển đề "Chỉ dành cho người da trắng"; không có quyền bầu cử...

+ Yếu tố hỗ trợ: Điệp cấu trúc phủ định “chúng ta không thể...”, hình ảnh ẩn dụ..-> giọng điệu xót xa cho thực cảnh người da đen còn sống trong khổ đau, đầy dọa và tuyệt vọng;

- **Luận điểm 5:** Niềm tin, ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.

+ Lí lẽ:

-- Bạn sẽ tiếp tục với niềm tin rằng khổ đau sẽ có ngày được đền đáp...

-- Đừng đắm chìm trong tuyệt vọng... tôi vẫn có ước mơ ...

-- Để nước Mỹ trở thành một quốc gia vĩ đại, thì điều này phải trở thành sự thật..

+ Dẫn chứng: Tôi mơ rằng một ngày kia...; Hãy để tự do ngân vang...

+ Yếu tố hỗ trợ:

-- điệp khúc “tôi mơ rằng”, “hãy để tự do ngân vang”-> tạo giọng điệu âm hưởng hùng hồn, tha thiết, tạo ra nhiệt hứng cho đám đông; nhấn mạnh mơ ước về sự bình đẳng, tình bằng hữu, sự tôn trọng nhân cách của cả người da đen lẫn da trắng.

-- hình ảnh ẩn dụ: “tự do ngân vang trên những đỉnh đồi...ngọn núi...”-> biểu tượng cho sự lớn lao, kì vĩ

16

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs hiểu nắm bắt tư tưởng, quan điểm của tác giả qua văn bản đồng thời liên hệ với vốn sống thực tế để nhận thức lí giải về tính thời sự và tính bất biến của tư tưởng đặt ra trong văn bản;
- Hs luyện tập được cách đưa ra, lí giải và bảo vệ quan điểm của mình

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Cho Hs quan sát 2 bức ảnh:   (Một phụ nữ cầm biểu ngữ ghi thông điệp "Chúng tôi cũng là người Mỹ" như thể hiện sự chua chát của những người gốc Á khi bị phân biệt đối xử ở Mỹ - nguồn: https://tuoitre.vn/chi-mot-nam-gan-4-000-vu-ky-thi-nguoi-my-goc-a-xuong-duong-2021032011064548.htm) Từ quan sát các hình ảnh, trả lời câu hỏi: Theo bạn, trên thực tế hiện nay, quan điểm và mơ ước của Martin Luther King còn có ý nghĩa không? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện yêu cầu Bước 3. Báo cáo, thảo luận	* Quan điểm và ước mơ của tác giả thể hiện trong văn bản đến nay vẫn còn có ý nghĩa, bởi lẽ: - Tuy chế độ phân biệt chủng tộc trong xã hội hiện nay về cơ bản đã được giải quyết trên diện rộng, giấc mơ của Martin Luther King đã được hiện thực hóa một phần (ví dụ nước Mỹ đã có tổng thống da màu) nhưng đâu đó trên thế giới chúng ta vẫn bắt gặp những bất bình đẳng về sắc tộc, còn hành vi bạo lực, thái độ, cách ứng xử còn có sự phân biệt, kì thị (ví dụ...) - Có thể tư tưởng phân biệt đã ăn sâu vào tiềm thức qua từng thế hệ, vì vậy quan điểm đấu tranh và mơ ước của Martin Luther King vẫn còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều dân tộc trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và công lí.

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs rút ra bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận thuyết phục người khác
- Hs biết cách viết một bài NLXH ứng dụng trong cuộc sống

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm			
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh vấn đề: Từ bài diễn văn “Tôi có một ước mơ”, bạn rút ra bài học gì trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục; - Hãy tưởng tượng bạn sẽ thuyết phục khoảng toàn bộ Hs khối 12 (tầm 600 Hs) về tác hại của hiệu ứng đám đông trên mạng xã hội, bạn sẽ nói những gì? (Giao Hs bài tập về nhà- báo cáo vào tiết đầu tiết tiếp theo)	* Bài học trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục:			
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện yêu cầu theo cặp đôi	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	Các yếu tố hỗ trợ
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo nội dung, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo tại lớp)	Rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu	Rõ ràng, sắp xếp hợp lí, làm sáng rõ luận đề	- Lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, được triển khai theo trình tự hợp lí, có liên quan và cùng làm sáng tỏ luận điểm; - Lí lẽ góp phần thể hiện giọng điệu	-Dùng các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ làm tăng hiệu quả biểu đạt của Vb.
Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản				

*** KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT (Thực hiện theo yêu cầu sgk)**

Gợi ý:

- Mở đoạn: Giới thiệu điều bạn tâm đắc nhất khi đọc văn bản
- Thân đoạn: Triển khai ý logic, hợp lý; Vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ thông điệp có ý nghĩa với bản thân
- Kết đoạn: Khẳng định lại điều mà mình tâm đắc

*** Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: <i>nêu suy nghĩ về một nhận định mà em cảm thấy tâm đắc nhất trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” của Lê Đạt.</i>	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

4. Củng cố:

- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục
- Cách sử dụng các yếu tố hỗ trợ nhằm tăng tính biểu cảm của VB

5. HDVN:

- Chuẩn bị bài mới: *Một thời đại trong thi ca*
- + Tìm hiểu về phong trào thơ mới và tác giả Hoài Thanh
- + Chú ý các thể đọc khi tìm hiểu VB

PHẦN PHỤ LỤC**Phiếu học tập số 1:****Tên nhóm:****Nội dung thảo luận:**.....**Thời gian:** 05 phút**Gợi ý thảo luận theo các hướng dẫn trong bảng sau:**

<i>Luận điểm</i>	<i>Lí lẽ</i>	<i>Dẫn chứng</i>	<i>Chỉ ra và nhận xét hiệu quả của các yếu tố hỗ trợ</i>
.....			

Phiếu học tập số 2:

Tên nhóm:

Nội dung thảo luận:.....

Thời gian: 04 phút

Gợi ý thảo luận theo các hướng dẫn trong bảng sau:

Khát vọng		Thái độ, tình cảm	
Ngữ liệu minh họa	Khát vọng	Ngữ liệu minh họa	Thái độ, tình cảm
....			
....			

Phiếu đánh giá bài thuyết trình của nhóm:

Nhóm đánh giá:

Nhóm được đánh giá:

Nội dung đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Nhận xét	Điểm
Nội dung trình bày: 40 điểm (đảm bảo tính khoa học, chính xác, sâu sắc)		
Sự hấp dẫn, thuyết phục của bài trình bày: 30 điểm (ngắn gọn súc tích, hấp dẫn; lôi kéo được nhiều người tham gia)		
Có sự hợp tác của nhóm lúc trình bày: 20 điểm		
Thời gian đảm bảo: 10 điểm		
Tổng điểm:		

Tiết 29-TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

Tiết 30- VĂN BẢN 3

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Hoài Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được nội dung, ý nghĩa của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ, tình cảm của người viết, vai trò của yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (Kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học...) của thời kì 1930-1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

2. Về năng lực:

- Năng lực đọc – hiểu các bài phê bình văn học.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài phê bình văn học của Hoài Thanh.
- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Về phẩm chất:

Có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. Học liệu: SGK, phiếu học tập, tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về *Phong trào thơ Mới*...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong tiến trình dạy bài mới

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng phân tích, kĩ thuật động não để nhận diện sự khác biệt cơ bản giữa thơ cũ và thơ mới trên một vài bình diện cơ bản.

c. Sản phẩm: Bản trình chiếu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	- Về văn tự: chữ Quốc ngữ- chữ Nôm

GV trình chiếu bài *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử) và *Bảo kính cảnh giới-43* (Nguyễn Trãi) và yêu cầu HS thảo luận, nhận xét về sự khác biệt trên một số bình diện:

- Về văn tự
- Về tác giả
- Về nội dung
- Về nghệ thuật (thể thơ, thi pháp...)

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận cặp đôi

B3. Báo cáo thảo luận:

Điểm khác biệt giữa hai bài thơ trung đại và hiện đại

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

=> Từ đó, giáo viên giới thiệu bài mới:

Đầu thập niên 1930, văn hóa Việt Nam diễn ra cuộc vận động đổi mới thơ ca mạnh mẽ với sự xuất hiện làn sóng thơ mới với cá tính sáng tác độc đáo. Cuộc vận động đề xướng sử dụng các thể loại thơ mới, không tuân theo lối vần luật, niêm luật của các thể loại thơ cổ. Cuộc canh tân này đi vào lịch sử văn học tên gọi Phong trào Thơ Mới.

Hoài Thanh, người say thơ bậc nhất trong những người say thơ đã có những nghiên cứu xuất sắc về phong trào thơ Mới. Ông để lại cuốn “Thi nhân Việt Nam” hấp dẫn bao thế hệ bạn đọc. Tiểu luận “Một thời đại trong thi ca” đặt ở đầu sách là một công trình nghiên cứu phê bình kiệt xuất, một áng văn nghị luận đạt dào chất thơ. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.

- **Về tác giả:** Trí thức Tây học-Nho sĩ

- **Về nội dung:** Cảm xúc cá nhân- Sự vận động của cảnh vật gắn với ý thức về bản phận

- **Về nghệ thuật:**

+ Thơ trung đại mang tính quy phạm, thể thơ gò bó vào niêm luật, hình ảnh mang nặng tính ước lệ, công thức. Hệ thống ước lệ phức tạp, nghiêm ngặt.

+ Thơ mới không sử dụng nhiều hệ thống ước lệ phức tạp, thoát khỏi cách diễn đạt theo quy tắc cứng nhắc, thể thơ tự do (số tiếng, số dòng, vần, nhịp...) ngôn ngữ thơ gần với lời nói cá nhân, hình ảnh sinh động gần với đời sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm “Một thời đại trong thi ca”

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, khái quát thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc kĩ phần giới thiệu về tác giả và bài tiểu luận SGK- tr. 88. Hoàn thành phiếu học tập sau:

Giới thiệu về tác giả Hoài Thanh?	
Thể loại, vị trí, nội dung chính của tiểu luận “ Một thời đại trong thi ca”	

B2. Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi hoàn thành phiếu học tập

B3. Báo cáo thảo luận

- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- HS khác bổ sung kiến thức nếu cần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức, mở rộng

Hoài Thanh có biệt tài trong thẩm thơ. Ông gọi lối phê bình của mình là “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”. Cách phê bình của ông nhẹ nhàng, tinh tế, hài hòa và luôn thấp thoáng một nụ cười hóm hỉnh...Có nhà thơ viết về ông:

*“Xứ sở của những người tình bắc cầu dải yếm
Có một chàng quên ngủ quên ăn
Không mơ bóng giai nhân
Không đi tìm phú quý
Chỉ lo tìm cát giữ
Những hạt vàng thi nhân”*

(Nguyễn Vũ Tiềm)

I. Tìm hiểu chung**1.Tác giả:**

- Nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.
- Tác phẩm sáng giá nhất: *Thi nhân Việt Nam*(1942) được in tới 33 lần
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật 2000.

2. Một thời đại trong thi ca:

- Văn bản nghị luận về 1 vấn đề văn học
- Là bài tiểu luận đặt ở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*
- Nội dung: tổng kết 1 cách sâu sắc về phong trào Thơ mới

Nội dung 2: Khám phá văn bản**a. Mục tiêu:**

- **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và cấu trúc của văn bản nghị luận
- **Học sinh phân tích** được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- + Chỉ ra cách nhận diện “tinh thần thơ mới” của tác giả:
- + Chỉ ra điều cốt lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn Việt Nam lúc bấy giờ; bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch.
- + Chỉ ra ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời
- **Học sinh đánh giá** được nội dung và nghệ thuật của văn bản
- **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.

- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN: Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: <i>Để làm sáng tỏ luận đề “Tinh thần thơ mới” tác giả đã đưa ra hệ thống luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân và theo hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn. B3. Báo cáo thảo luận: - Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự phù hợp về nội dung nghị luận với vấn đề nghị luận B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân: Câu hỏi 1: Ở phần đầu văn bản, tác giả đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ – thơ mới nhằm mục đích gì?	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN: 1. Hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm * Luận đề: “Tinh thần Thơ mới”: * Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề: - Thực trạng khó phân biệt rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới - Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới: So sánh bài hay với bài hay và dựa vào đại thể - Nhận diện điểm khác biệt giữa thơ cũ và thơ mới : Tinh thần thơ mới: chữ tôi; Tinh thần thơ cũ: chữ ta - Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó. - Ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời * Mối quan hệ giữa các luận điểm: Các luận điểm sắp xếp theo trình tự logic: - Nêu vấn đề: Thực trạng khó phân biệt rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới → Đề xuất tiêu chí phân biệt - Giải quyết vấn đề: Nhận diện điểm khác biệt giữa thơ cũ và thơ mới → Tình trạng “cái Tôi” khi mới xuất hiện và những biểu hiện của cái Tôi trong thơ Mới - Kết thúc vấn đề: Ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời 2. Sự phù hợp về nội dung nghị luận với vấn đề nghị luận a. Nội dung 1: Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới - Các tiêu chí so sánh thơ cũ và thơ mới: + Phải so sánh bài hay với bài hay, không thể căn cứ vào những bài thơ dở, vì thời nào cũng có bài hay bài dở + Dựa trên đại thể vì các thời đại nối tiếp nhau, khó phân biệt rạch ròi

Câu hỏi 2:

Hãy nhận xét cách diễn giải về “cái Tôi” của Hoài Thanh trong văn bản (đặc biệt chú ý đoạn: “Đời chúng ta ... cùng Huy Cận”).

Câu hỏi	Gợi ý
Nội dung diễn giải về cái Tôi của tác giả?	- Tinh thần thơ mới là gì? Em hiểu thời đại chữ <i>Tôi</i> và thời đại chữ <i>Ta</i> như thế nào? - Tìm các câu văn thể hiện bi kịch của cái Tôi thơ Mới và phân tích bi kịch của nó?
Nhận xét cách diễn giải của tác giả?	- Về từ ngữ - Về BPTT - HS đọc đoạn: “<i>Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận</i>” - Chỉ ra vẻ đẹp và sức hấp dẫn của đoạn văn trên?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- HS nhóm khác theo dõi, tham vấn, trao đổi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm

- Mục đích của việc đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ và thơ mới:

+ Giúp người đọc hiểu cái khó khăn và khao khát của kẻ yêu văn quyết tìm cho được tinh thần thơ mới.

+ Giúp người đọc hiểu về tinh thần thơ cho đúng đắn.

+ Thuyết phục người đọc đồng thuận với những luận giải của tác giả về tinh thần thơ Mới.

b. Nội dung 2: Tinh thần thơ mới là cái “Tôi”*** Nội dung diễn giải về cái “Tôi”**

- Tinh thần thơ mới là chữ “Tôi”.

+ Cái khác ở chữ “Tôi” và chữ “Ta”. Ngày trước là thời chữ “Ta”, bây giờ là thời chữ “Tôi”.

+ Chữ “Tôi” trước đây nêu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ “Ta”. Chữ “Tôi” bây giờ là chữ “tôi” theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.

- Bi kịch “đáng thương” và “tội nghiệp” của cái Tôi :

+ Nó xuất hiện “bờ ngõ” như “lạc loài nơi đất khách”, trong sự tiếp nhận của “bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu”

+ Nó không còn cái cốt cách hiên ngang ngày trước, nó “chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại, bế tắc: thoát lên tiên, phiêu lưu trong trường tình, điên cuồng, đắm say, bơ vơ, ngẩn ngơ buồn, bàng hoàng, thiếu hụt lòng tin ...

*** Nhận xét về cách diễn giải của tác giả:**

- Dùng chữ Tôi để diễn đạt ý thức cá nhân, đối sánh với chữ Ta thể hiện ý thức cộng đồng

- Dùng biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ để diễn tả tình trạng của ý thức cá nhân khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam

- Sử dụng hàng loạt các từ ngữ chỉ cảm xúc để biểu đạt những hướng tìm tòi và những biểu hiện khác nhau của ý thức cá nhân trong thơ Mới.

- Đoạn “*Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận*”

+ Nhận định có tính khái quát cao về sự bế tắc của cái tôi

+ Chỉ ra được phong cách riêng của từng nhà thơ một cách tinh tế.

+ Câu văn nghị luận giàu chất thơ, chất nhạc,

- Gv chuẩn kiến thức Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu tác dụng của dẫn chứng và các biện pháp tu từ trong việc tăng sức hấp dẫn và thuyết phục văn bản B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm theo tổ hoàn thành phiếu học tập: <table border="1" data-bbox="203 615 792 1056"> <tr> <td data-bbox="203 615 475 856">Nhóm 1,2</td><td data-bbox="475 615 792 856">Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận được Hoài Thanh thể hiện qua văn bản.</td></tr> <tr> <td data-bbox="203 856 475 1056">Nhóm 3,4</td><td data-bbox="475 856 792 1056">Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản.</td></tr> </table> B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS nhóm khác theo dõi, tham vấn, trao đổi. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức	Nhóm 1,2	Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận được Hoài Thanh thể hiện qua văn bản.	Nhóm 3,4	Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản.	cách viết mềm mại, uyển chuyển có tác dụng kêu gọi cảm xúc và hứng thú + Khi nói về từng nhà thơ: giọng điệu giải bày, chia sẻ, tâm tình “lấy hồn tôi để hiểu hồn người” 3. Tác dụng của dẫn chứng và các biện pháp tu từ trong việc tăng sức hấp dẫn và thuyết phục văn bản a. Cách sử dụng dẫn chứng * Các dẫn chứng: - Minh họa cho tình trạng khó rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới: Trích dẫn thơ Xuân Diệu và các nhà thơ trung đại như Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan. - Minh họa cho tình trạng thiếu vắng cái Tôi trong thơ cũ (đoạn về Cao Bá Nhạ) và sự khác biệt cảm xúc giữa thơ cũ và thơ mới (Đoạn về Nguyễn Công Trứ) - Minh họa cho phong cách riêng của các tác giả thơ Mới... * Nhận xét: + Hoài Thanh lấy dẫn chứng thực tế từ những nhà thơ đa dạng, cụ thể, giúp cho văn bản có sức thuyết phục cao hơn. + Khi tìm cái mới của thơ mới tác giả nhìn vấn đề trong mối quan hệ với thời đại, với tâm lí người đương thời thấu đáo, sâu sắc + Có cái nhìn thấu đáo về “cái tôi”, “cái ta” có sự so sánh giữa các câu thơ và các nhà thơ cũ-mới trong diễn biến lịch sử. b. Giá trị của BPTT Minh họa qua đoạn văn cuối: Biện pháp nghệ thuật: - Điệp ngữ, lặp cấu trúc: Chưa bao giờ như bây giờ... - Giá trị đặc sắc: + Làm cho lời văn nghị luận trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. + Giúp cho người đọc cảm nhận được trạng thái đặc biệt trong tâm thế, cảm xúc, khát vọng của các nhà thơ mới và sự tin tưởng, khích lệ của Hoài Thanh với các nhà thơ trong phong trào thơ Mới
Nhóm 1,2	Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận được Hoài Thanh thể hiện qua văn bản.				
Nhóm 3,4	Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản.				

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Qua văn bản, bạn hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối văn phê bình của Hoài Thanh. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS khác theo dõi, tham vấn, trao đổi. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức	III. Tổng kết 1. Nội dung Theo Hoài Thanh, khái niệm thơ Mới phải được hiểu là mới cả về mặt nội dung và hình thức. Thơ Mới là thơ ca phản ánh cái Tôi cá nhân của người nghệ sĩ với tất cả các cung bậc phong phú đa dạng, phức tạp của nó thông qua hình thức nghệ thuật có nhiều đổi mới, cách tân nhằm phát huy cá tính sáng tạo độc đáo của mỗi người nghệ sĩ. 2. Nghệ thuật - Lối văn phê bình của Hoài Thanh: + Đặt vấn đề rõ, gọn. + Dẫn dắt vấn đề khoa học, khéo léo và dễ hiểu, đảm bảo liên mạch trong hệ thống luận điểm. + Câu văn nghị luận giàu chất thơ, có sức gợi cảm xúc, gây hứng thú cho người đọc. + Nghệ thuật lí luận chặt chẽ, thấu đáo khoa học.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3-4: LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào thơ mới “đã dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận Hs nộp sản phẩm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chấm và trả kết quả vào tiết sau	- Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề - Thân đoạn: + Giải thích lí do các nhà thơ Mới gửi gắm tình yêu đất nước trong tình yêu tiếng Việt: • Vì họ nghĩ rằng, tiếng Việt đã hứng vong hồn dân tộc những thế hệ qua. • Vận mệnh dân tộc đã gắn bó với vận mệnh tiếng Việt + Phân tích cách các nhà thơ thể hiện tình yêu tiếng Việt, yêu đất nước: • Họ dùng tiếng nói của dân tộc để sáng tác thơ, duy trì tiếng nói và các thể thơ mang hồn cốt dân tộc. • Qua thơ, họ ngợi ca thiên nhiên đất nước, gửi gắm nỗi buồn mất nước. • Qua thơ, các nhà Thơ mới đã phát triển, đổi mới ngôn từ, làm cho tiếng Việt trở nên rất phong phú, trong sáng, tinh tế, hiện đại. + Đánh giá, bình luận về quan niệm của các nhà thơ mới.

	• Đặt trong bối cảnh xã hội những năm đầu TK XX thì tình yêu tiếng Việt là biểu hiện của tình yêu quê hương, đất nước. • Tình yêu ấy của các nhà thơ mới giúp ngôn ngữ tiếng Việt giàu, đẹp hơn. - Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề, tạo ấn tượng kết thúc Tình yêu tiếng Việt là một biểu hiện tinh tế của tình yêu quê hương đất nước.
--	--

HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố

a. Mục tiêu: HS nắm lại những kiến thức liên quan đến bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Vẽ sơ đồ tư duy bài học B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh trao đổi nhóm đôi B3. Báo cáo thảo luận Hs báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức.	Sơ đồ tư duy bài học

*** Phụ lục:**

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm	1 điểm	2 điểm Hoạt động gắn kết

	Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 31

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu được sự cần thiết về việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết, tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).
- Học sinh nắm vững việc cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

2. Về năng lực:

Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất:

Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, yêu tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu

2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

Yêu cầu học sinh nhắc lại đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế chủ động, tích cực cho học sinh, giúp học sinh kết nối với phần kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Cung cấp hình ảnh bài văn nghị luận của học sinh sử dụng ngôn ngữ nói

c. **Sản phẩm:** Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV cho HS tham gia trò chơi: **Ai nhanh hơn**

- GV Yêu cầu HS: Tìm các câu tục ngữ, ca dao, câu nói nổi tiếng nói về giá trị của lời nói và chữ viết? (GV giao nhiệm vụ chuẩn bị từ tiết trước)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân

- Thời gian: 2 phút

- Chia sẻ: 3 phút

Bước 3: Báo cáo thảo luận:

HS trình bày sản phẩm của mình.

Bước 4: Đánh giá, kết quả thực hiện

- Nhận xét câu trả lời của HS.
- Dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Dự kiến:

- Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau (Ca dao)
- Lời nói gió bay/ Lời nói, gói vàng (Tục ngữ)
- Ăn có nhai, nói có nghĩ (Tục ngữ)
- Ăn bớt bát, nói bớt lời (Tục ngữ)
- Học ăn, học nói, học gói, học mở (Tục ngữ)
- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe (Ca dao)
- Bút sa gà chết (Tục ngữ)
- Uốn lưỡi 7 lần trước khi nói (Bill Mac Farlan)
- Một lời động viên chân thành có thể mang đến sức mạnh bất ngờ để vượt qua những khó khăn nghịch cảnh mà tưởng chừng họ không thể vượt qua được.
- Ba điều trong một đời khi đã đi qua không thể lấy lại được: thời gian, lời nói, cơ hội.
- Lời nói không là dao/ Mà cắt lòng đau nhói/ Lời nói không là khói/ Mà khói mắt cay cay/ Lời nói không là mây/ Mà đưa ta xa mãi/ Sao không ngồi nghĩ lại/ Nói với nhau nhẹ nhàng/

→GV dẫn vào bài học

Ngôn ngữ tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng. Dù trải qua không ít thăng trầm, nhưng nhân dân ta đã luôn làm tất cả để bảo tồn ngôn ngữ, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, hồn cốt của dân tộc. Vậy việc sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết có gì khác nhau, chúng ta hay mắc phải những lỗi gì trong việc sử dụng và trách nhiệm của mỗi chúng ta trong việc gìn giữ, bảo vệ, phát triển tiếng nói dân tộc mỗi khi sử dụng là gì? Bài học hôm nay cô trò mình hãy cùng nhau tìm hiểu kỹ hơn về vấn đề đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC*** NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

a. Mục tiêu: Củng cố một số kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó giúp học sinh hiểu được thế nào là hiện tượng lạc phong cách; phân biệt được hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung: Hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nhận xét của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT	
<u>Bài tập 1</u> B1. Chuyển giao nhiệm vụ	1. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết PHIẾU HỌC TẬP PHÂN BIỆT ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10 học sinh, thực hiện nhiệm vụ dưới đây trong thời gian 3 phút trên phiếu học tập và chia sẻ trong 5 phút.

Câu hỏi: hệ thống lại những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết qua bảng so sánh.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

Các nhóm trình bày sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Đánh giá đồng đẳng và giáo viên chốt lại.

Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Sự tiện lợi trong sử dụng		
Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin		
Dung lượng thông tin được truyền đạt		
Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ		
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian		
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian		

DỰ KIẾN SẢN PHẨM THẢO LUẬN NHÓM

Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Sự tiện lợi trong sử dụng	Thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người (tiện lợi)	Cần các phương tiện phụ trợ: bút, giấy, máy tính, điện thoại
Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin	Gắn với sự hiện diện của người nói và người nghe, việc tiếp nhận thông tin của người nghe diễn ra tức thì	Phải có thời gian cho người đọc tiếp nhận và phản hồi
Dung lượng thông tin được truyền đạt	Chỉ có thể truyền đạt một lượng thông tin hạn chế	Lượng thông tin truyền đạt rất lớn
Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ	Ít có điều kiện gọt giũa lời nói	Có điều kiện để gọt giũa
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian	Trong phạm vi hạn chế	Phạm vi rộng lớn
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian	Chỉ tồn tại nhất thời	Được lưu trữ lâu dài

<

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong SGK.
- b. Nội dung:** Làm bài tập 1, 2 trong SGK
- c. Sản phẩm:** Bài tập hoàn thiện của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ:	1. Bài tập 1

- Bài tập 1: phát hiện và sửa các lỗi diễn đạt trong ngữ liệu dưới đây

Đã bao giờ bạn hỏi nghị lực sống là gì hay chưa? Ừ nhỉ! vậy nghị lực sống là gì? Đúng vậy, nghị lực sống chính là là sự cố gắng, quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách tới cùng. Và như vậy, nó có ý nghĩa rất chi là tuyệt vời đối với cuộc sống này. Bởi lẽ, nghị lực sống sẽ giúp cho ta mạnh mẽ, kiên cường hơn khi đối mặt với nghịch cảnh. Nó còn giúp ta chống chọi lại với những thách thức một cách dễ dàng hơn. Nghị lực sống khiến bản thân có niềm tin hơn, lạc quan để theo đuổi mục tiêu. Và quả là tuyệt vời khi nó sẽ giúp ta thay đổi được hoàn cảnh, số phận rất chi là đáng ngưỡng mộ của mình.

- Bài tập 2 (GV định hướng cho hs đoạn văn phân tích trong Chí Phèo: “Hắn vừa đi vừa chửi... Cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...”)

+ Chỉ ra các câu hỏi, các câu cảm thán.

+ Nhận biết sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và lời nói của nhân vật khác xen vào.

+ Nhận xét về sự cộng hưởng ngôn ngữ

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh sửa lỗi

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh trình bày sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HS thực hiện đánh giá đồng đẳng và giáo viên nhận xét, chốt lại.

- Phát hiện lỗi: sử dụng ngôn ngữ nói trong văn viết.

+ Ừ nhỉ!

+ Rất chi là

+ Quá là

- Phương án sửa lỗi: bỏ hoặc thay thế bằng các từ tương đương phù hợp

2. Bài tập 2

- Các câu hỏi: Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? ..

- Các câu cảm thán: Chắc nó trờì mình ra! Tức thật! Tức thật! A ha!...

- Sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và lời nói của nhân vật khác xen vào:

+ Lời độc thoại nội tâm của nhân vật: trực tiếp bộc lộ tâm trạng, tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật...

+ Lời nửa trực tiếp của người kể chuyện và các nhân vật khác xen vào: tái hiện ý thức giọng điệu của nhân vật và đánh giá.

+ Lời nhại: trần thuật, mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai, bông đùa.

➔ Sự cộng hưởng ngôn từ tạo ra tính đa thanh, đa giọng điệu, đa nghĩa cho lời văn..., tạo hiệu quả giao tiếp cao.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Hs vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện qua ngữ liệu, đánh giá được hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói.

- Vận dụng kiến thức để tạo lập một đoạn văn bằng ngôn ngữ viết, nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

b. Nội dung: Làm bài tập 3, 4 trong SGK

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ

Bài tập 3 (Nhóm 1, 2)

GV trình chiếu video, yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi

+ Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong đoạn hội thoại.

+ Đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói.

Bài tập 4 (Nhóm 3, 4)

GV yêu cầu hs thể hiện nội dung cuộc hội thoại ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết, nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày kết quả.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HS đánh giá đồng đẳng, gv nhận xét, chốt lại

Bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn.	
2	Đoạn văn thể hiện được nội dung cuộc hội thoại, thể hiện được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có tính liên mạch, không còn gạch đầu dòng biểu thị từng lượt lời của các nhân vật.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

4. củng cố: GV nhấn mạnh và chốt lại hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ

5. HDVN: HS hoàn thiện các bài tập vào vở.

PHẦN VIẾT

Tiết 32,33

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI Con người với cuộc sống xung quanh

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều về vấn đề, Thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có vì vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lực lượng bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

2. Về năng lực:

Năng lực tạo lập văn bản, Năng lực tư duy, năng lực làm việc cá nhân, năng lực phản biện

3. Về phẩm chất:

Chủ động, sáng tạo, có thái độ rõ ràng đối với những ý kiến trái chiều

**Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

2. Học liệu:

SGK, SGV, vở ghi, bài giảng điện tử

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

GV: Chúng ta đã học những chủ đề nghị luận xã hội nào ở lớp 10? Cấu trúc của bài nghị luận ấy gồm những phần nào?

HS trả lời: Nghị luận thuyết phục

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS hào hứng với kiểu bài nghị luận xã hội
- HS nhớ lại các nguyên tắc, cấu trúc làm bài nghị luận xã hội

b. Nội dung:

- Con người và cuộc sống xung quanh luôn có nhiều vấn đề phức tạp, phong phú cần được phát hiện, bàn luận, đánh giá và có giải pháp phù hợp
- Có năng lực dùng kiểu bài nghị luận xã hội để phản ánh, trình bày quan điểm cá nhân trước vấn đề

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -HS quan sát một số hình ảnh và xem video -Gọi tên vấn đề xuất hiện trong mối quan hệ giữa con người với cuộc sống tương ứng mà mỗi bức hình thể hiện -Đề xuất kiểu bài phù hợp nếu cần viết bài thuyết phục về vấn đề đó B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xem, gọi tên vấn đề, trình bày kiểu bài phù hợp với vấn đề và thuyết phục B3. Báo cáo thảo luận -Các cá nhân phát biểu, nhận xét cho ý kiến B4. Đánh giá kết quả thực hiện: -Học sinh đưa ra đáp án phù hợp -Học sinh lựa chọn kiểu bài phù hợp là nghị luận xã hội	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động.
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lập luận của bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

**Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống*

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi -Yêu cầu của bài văn nghị luận về con người với cuộc sống xung quanh có điểm gì chung và riêng với các kiểu bài văn nghị luận mà em đã viết? -Theo em, những vấn đề của đời sống được bàn đến có thể là những vấn đề nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện theo hình thức nhóm đôi B3. Báo cáo thảo luận:	1. Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh 2. Thể hiện rõ quan điểm thông qua hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng phù hợp, sinh động 3. Dẫn được những ý kiến trái chiều và phản bác lại để củng cố lập luận

Đại diện một số nhóm trình bày HS còn lại lắng nghe	của bài viết
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: -HS các nhóm nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, chốt kiến thức	4. Rút ra ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- Xác định cấu trúc bài viết và hệ thống luận điểm
- Biết cách triển khai vấn đề và rút ra tác dụng viết cơ bản

b. Nội dung:

- **Vấn đề trong đời sống mà bài viết tập trung bàn luận**
- **Những luận điểm đã được tác giả triển khai và mối quan hệ giữa các luận điểm đó**
- **Xác định các lí lẽ, bằng chứng người viết đã sử dụng**
- **Ý kiến bổ sung cho bài viết**

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Thảo luận theo nhóm - phương pháp mảnh ghép (mỗi tổ tương ứng 1 nhóm) -Thời gian: 7 phút -Nội dung: +Nhiệm vụ chung: các tổ đều tìm vấn đề được bàn luận +Nhiệm vụ riêng: làm rõ hệ thống luận điểm - luận cứ dẫn chứng của mỗi luận điểm Tổ 1: LD 1, 2 Tổ 2: LD 3 Tổ 3: LD 4 Tổ 4: LD 5 B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận trả lời câu hỏi theo nhiệm vụ được phân công cho mỗi tổ B3. Báo cáo thảo luận: -Trình bày: đại diện mỗi tổ	II/ Phân tích bài viết tham khảo 1. Vấn đề được bàn luận -Lắng nghe -Đời sống thường nhật, con người cần biết lắng nghe “những tiếng thì thầm” – tiếng nói, tiếng lòng thầm kín và cả thế giới tự nhiên mà cần đến sự chủ động, tinh tế từ phía người nghe khi tiếp nhận những thanh âm đó 2. Hệ thống luận điểm và quan hệ giữa những LD -LD1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe” -LD2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn bui của con người -LD3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm -LD 4: Phản bác ý kiến trái chiều -LD5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe =>Quan hệ giữa các luận điểm rất logic (định nghĩa (LD1) -> biểu hiện (LD 2, 3) -> phản bác lại ý kiến trái chiều (LD4) -> Khẳng định tầm quan trọng của việc lắng nghe (LD5) 3. Lí lẽ và bằng chứng Vd: Lí lẽ và bằng chứng làm rõ LD4 – Phản bác ý kiến trái chiều -Nêu ra ý kiến trái chiều: Vì những âm thanh ấy quá bé nhỏ nên chúng ta có thể bỏ qua do cuộc sống còn nhiều điều cần lo lắng -Dẫn chứng:

-Sản phẩm: sơ đồ hoặc bảng thể hiện được hệ thống Luận điểm - luận cứ - dẫn chứng B4. Đánh giá kết quả thực hiện: -GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức	“Nhưng có phải vì sự “bé mọn” của những tiếng thì thầm ấy mà ta có thể bỏ qua chúng, bởi cuộc sống này còn biết bao điều...” -Lí lẽ phản bác: Nếu không biết lắng nghe tiếng nói nhỏ bé của cuộc sống thì + Cuộc đời này có thể trở nên nhạt nhẽo hoặc chỉ toàn những âm thanh ồn ã, chat chúa + Mỗi con người sẽ tẻ nhạt, cô đơn giữa cuộc sống đông đúc, náo nhiệt. -Dẫn chứng: các chi tiết còn lại 4. Ý kiến bổ sung của người đọc -Bàn thêm về việc làm thế nào có thể lắng nghe -Mở rộng thêm bài học khi liên hệ cá nhân
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết theo các bước)

a. Mục tiêu: HS thực hiện được các công việc sau:

- Chọn được đề tài, tìm ý, lập dàn ý
- Triển khai bài viết
- Chỉnh sửa, hoàn thiện bài theo hướng dẫn của GV

b. Nội dung:

-GV hướng dẫn HS chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý và triển khai bài viết

c. Sản phẩm:

-Bài viết nghị luận về một vấn đề xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc phần “Chuẩn bị viết” trong SGK HS trả lời câu hỏi sau để tìm ý tưởng vấn đề bàn luận Suy nghĩ tìm hiểu những vấn đề gì diễn ra trong nhà trường, gia đình và môi trường xung quanh thường khiến em có trăn trở, suy nghĩ. Phát biểu vấn đề đó bằng một mệnh đề B2. Thực hiện nhiệm vụ: -HS làm việc cá nhân, nhóm (5 phút) B3. Báo cáo thảo luận: (2 phút) -Một số HS trình bày qua hình ảnh, video hoặc diễn tả hoạt cảnh tình huống nhỏ tại lớp B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chọn một vấn đề để HS thực hiện triển khai *Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống thông phần viết	II/ Thực hành viết 1) Đề tài Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm						
B1. Chuyển giao nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: B3. Báo cáo thảo luận: B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	2. Tìm ý và lập dàn ý a) Tìm ý thông qua việc trả lời các câu hỏi: - Bài viết bàn luận về vấn đề gì ? (Có thể dẫn dắt, đặt vấn đề bằng một câu hỏi) - Vấn đề được bàn luận ở những khía cạnh nào? Tác động tích cực/ tiêu cực của mỗi khía cạnh đối với đời sống con người như thế nào? - Những lí lẽ, bằng chứng nào cần đưa ra để làm rõ cho mỗi luận điểm? - Vấn đề có ý kiến trái chiều nào? Ý kiến - lí lẽ, dẫn chứng dùng để phản bác là gì ? - Việc bàn luận đem tới ý nghĩa gì? (Đối với cá nhân và cộng đồng xã hội) b) Dàn ý - cấu trúc bài <table border="1" data-bbox="643 751 1500 1325"> <tr> <td data-bbox="643 751 789 863"><i>Mở bài</i></td><td data-bbox="789 751 1500 863">Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. C một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu</td></tr> <tr> <td data-bbox="643 863 789 1213"><i>Thân bài</i></td><td data-bbox="789 863 1500 1213"> Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn người viết. - Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, vấn đề. - Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn hoặc cộng đồng. </td></tr> <tr> <td data-bbox="643 1213 789 1325"><i>Kết bài</i></td><td data-bbox="789 1213 1500 1325">Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở sự động,...).</td></tr> </table> c) Dàn ý minh họa I. Mở bài: - Sự ra đời của các trang mạng xã hội, tiêu biểu nhất là Facebook, dần mang con người rời xa khỏi thế giới thực tại mà đắm chìm vào thế giới ảo, ngày càng có nguy cơ đánh mất những giá trị thực trong cuộc sống. II. Thân bài: * Khái niệm “Sống ảo” - Lối sống chuộng hình thức, thậm chí nói hơi nặng lời thì đó là một cuộc sống toàn dối lừa.. - Facebook, sau là Instagram, Twitter, Zalo,... chính là các công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc “ảo” của các tín đồ “sống ảo”.	<i>Mở bài</i>	Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. C một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu	<i>Thân bài</i>	Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn người viết. - Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, vấn đề. - Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn hoặc cộng đồng.	<i>Kết bài</i>	Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở sự động,...).
<i>Mở bài</i>	Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. C một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu						
<i>Thân bài</i>	Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn người viết. - Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, vấn đề. - Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn hoặc cộng đồng.						
<i>Kết bài</i>	Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở sự động,...).						

	- “Giá trị thực” ở đây mang hàm nghĩa rất rộng, bao gồm tất cả những gì ngoài cuộc sống thực của con người, cả niềm vui, nỗi buồn, từ những điều tốt đẹp cho đến những góc xấu xí nhất trong tâm hồn. Đó là thứ phản ánh rõ ràng nhất nhân cách, đạo đức và tâm hồn của một cá nhân. * Thực trạng sống ảo: - Nhưng có một điều rất đáng quan ngại rằng dường như con người đang dần rời xa những “giá trị thực” để chăm chăm vào việc “sống ảo” nhiều hơn. + Thích kết bạn qua mạng, yêu qua mạng + Xây cho mình những cái vỏ tuyệt vời, là nơi để thỏa sức thể hiện bản thân, bằng cách khoe khoang sự giàu có, sự hạnh phúc, phô bày vẻ đẹp của bản thân, để mong được sự chú ý. + Ai cũng tự tin bày tỏ quan điểm ý kiến, sẵn sàng chửi rủa lăng nhục, cười nhạo một cá nhân nào khác, để lại những tổn thương tâm lý sâu sắc cho nạn nhân, gây ra những hậu quả nghiêm trọng, khiến nạn nhân, chán chường, trầm cảm, tự tử. + Tạo scandal, phát ngôn gây sốc để nổi tiếng, chia sẻ những thông tin phản cảm, văn hóa phẩm đồi trụy một cách tràn lan mà chẳng quan tâm ai sẽ bắt gặp chúng, họ chỉ cần biết mình được tung hô, tán tụng, được bao nhiêu “like”, bao nhiêu “comment”, còn ai như nào không cần quan tâm. * Hậu quả: + Áo tượng giá trị của bản thân, dễ dàng suy sụp chỉ vì một lời chê bai + Quên thực tại cuộc sống vốn khó khăn như nào, quên đi hết những tình cảm quý giá như tình thân, tình cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. + Họ trở nên vô cảm, vô tâm, không còn quan tâm đến thế giới thực tại, từ chối hòa nhập vào xã hội thực tế, dẫn tới khi bước vào làm việc, mưu sinh họ bị chông chênh, không có kinh nghiệm sống và ứng xử, nên rất dễ bị đào thải, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống tương lai. + Khiến cho tâm hồn con người trở nên nghèo nàn, kiến thức và vốn sống hạn hẹp, cả thế giới chỉ thu lại vào trang mạng xã hội, khiến con người trở nên lười biếng, lãng phí thời gian, bỏ qua nhiều cơ hội tu dưỡng, nâng cao tri thức, thay đổi bản thân. *Phản bác ý kiến trái chiều -“Sống ảo đem lại cảm xúc vui cho cá nhân nên không cần thiết phải từ bỏ” -Sống ảo đúng sẽ khiến ta vui nhưng việc khoe trên mạng xã hội góp phần tạo dựng tô hồng cuộc sống thực, góp phần làm
--	--

	sai lệch cái nhìn cuộc sống, ảnh hưởng tới tâm lí mọi người – so sánh, áp lực,... -Xa rời thực tế, mất đi thời gian đáng lẽ dành cho việc hoàn thiện bản thân được như giá trị ảo -Lâu dần tâm trạng bị phụ thuộc vào thế giới ảo * Bài học: - Nhận thức được tác hại của việc “sống ảo”, mỗi cá nhân chúng ta cần ý thức được hành động của bản thân. - Mạng xã hội không xấu, thậm chí có rất nhiều lợi ích, nhưng chúng ta phải biết sử dụng sao cho hợp lý, đừng có đắm chìm vào đó, mãi mê xây dựng những giá trị “ảo”, mà bỏ rơi những “giá trị thực”. - Đừng để việc “sống ảo” dần giết chết cả tâm hồn và thể xác chúng ta, hãy biết cách tận dụng mạng xã hội một cách hiệu quả nhất, đừng chỉ mãi mê chạy theo những xu hướng, trào lưu và ảo tưởng về bản thân. III. Kết bài: - Hiện tượng sống ảo, đặc biệt là ở giới trẻ đang dần kéo con người rời xa và đánh mất đi những giá trị thực, có ý nghĩa cho cuộc đời. - Hãy có những nhận thức đúng đắn và biết cân bằng giữa thế giới ảo và thế giới thực
--	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Chỉnh sửa Mở bài nếu vấn đề chưa được nêu rõ -Kiểm tra lí lẽ, bằng chứng -Xem xét sự khái quát nghĩ của việc bàn luận vấn đề ở phần Kết bài xem đã đạt chưa -Bổ sung những ý còn sơ sài -Kiểm tra liên kết đoạn, câu trong bài viết, bổ sung nếu còn thiếu -Soát lỗi chính tả và lỗi diễn đạt, sửa lại. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện bài viết theo hình thức cá nhân hoặc trao đổi với bạn cùng bàn B3. Báo cáo thảo luận: Một số bài viết đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	Đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, phát hiện những vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện

GV đọc một số bài đã hoàn thành, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết những ưu nhược điểm trong bài viết của mình
- Học sinh nhận ra những lỗi sai, những điểm cần điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện bài viết

b. Nội dung:

- Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài
- Nhận xét kết quả viết và yêu cầu học sinh chỉnh sửa bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết sau khi sửa chữa, bổ sung và hoàn thiện

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Nhắc lại đặc điểm chung của kiểu bài nghị luận về một vấn đề của cuộc sống thường nhật; những đòi hỏi cụ thể của kiểu bài này -Xem kĩ nhận xét của GV về lựa chọn và triển khai vấn đề, kĩ năng viết bài, cách trình bày và diễn đạt B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày bài viết sau khi sửa theo hướng dẫn của GV B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá bài làm đã hoàn thiện sau khi sửa của HS	1 Nhận xét về ưu khuyết điểm a. Ưu điểm: – Một số bài viết bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề, biết dẫn dắt phân tích vấn đề, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. b. Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân. – Nhiều bài trình bày câu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ 2. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá 3. Trả bài viết – Tiếp thu ý kiến của HS. – Chỉnh sửa (nếu có)

4. Củng cố: GV nhấn mạnh lại những yêu cầu của kiểu bài, những lỗi nhiều học sinh mắc phải và cách khắc phục trong triển khai lập luận, trình bày và diễn đạt

5. HDVN:

- Đọc một số bài làm tốt của các bạn trong lớp, rút kinh nghiệm
- Ghi nhớ yêu cầu, cấu trúc của kiểu bài nghị luận xã hội về vấn đề xã hội

Phụ lục

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Bài viết gợi ý

Xã hội càng phát triển, khoa học công nghệ càng hiện đại thì cuộc sống con người cũng càng phức tạp, giả dối. Những năm gần đây, khái niệm sống ảo đã ra đời và ngày càng trở nên phổ biến, quen thuộc đối với mọi người, đặc biệt là giới trẻ. Có thể nói, việc sống ảo làm có nguy cơ đánh mất các giá trị thực. Ý kiến ấy là rất đúng về hiện tượng này.

Sống ảo là việc con người sống khác, khác bản thân mình, khác thực tế. Có thể coi sống ảo là một dạng phô bày không giống với sự thật lắm. Sống ảo thường được thể hiện qua các phương tiện của mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, twitter, weibo. Trên những trang mạng xã hội này người ta thường xuyên đăng tải những bức hình khác thực tế, những dòng trạng thái status cũng khác thực tế nhằm đánh lạc hướng suy nghĩ và nhận thức của mọi người.

Có thể thấy việc sống ảo nhiều nhất là khi các bạn trẻ sử dụng các công cụ make up, chụp hình, chỉnh hình làm đẹp rồi đăng tải trên mạng xã hội khiến mọi người lầm tưởng về vẻ đẹp, ngoại hình của mình. Rồi họ đăng tải những dòng trạng thái cũng giả dối để đánh lừa mọi người chẳng hạn như là “Đang ở một nơi rất xa” (thực ra là ở nhà), “Rảnh được đưa đi ăn” (thực ra là tự đi)... Những người sống ảo đăng hình và trạng thái thường nhằm mục đích PR cho bản thân mình, khoe khoang về bản thân: ngoại hình, thành tích, sự giàu có, sự nổi tiếng... Người ta đăng hình ảnh, trạng thái từ không đúng lắm so với thực tế cho đến khác xa thực tế, sai sự thực hoàn toàn để được mọi người, bạn bè trên mạng xã hội trầm trồ, thán phục, khen ngợi.

Sống ảo có tính chất lây lan và gây nghiện. Người sống ảo lâu dần hình thành một thói quen khó bỏ. Trước khi ăn bao giờ cũng phải lôi điện thoại ra chụp lại hình, đi chơi ở đâu bao giờ cũng chụp hình post facebook đầu tiên. Thậm chí trong những hoàn cảnh không phù hợp

cũng lôi điện thoại ra check in sống ảo. Thế giới ảo bao quanh chúng ta, khiến mọi người không còn phân biệt được. Dần dần con người quên đi những giá trị thực tế, quên đi những điều rất bình dị trong cuộc sống. Sống ảo dẫn con người đến những giá trị giả dối, khiến con người dần quên mất thực tại, nhầm lẫn giữa thực tại và thế giới ảo. Nhiều người lợi dụng các công cụ mạng xã hội để bán hàng, lừa lọc bằng những hình ảnh, lời lẽ văn hoa, hào nhoáng. Rất nhiều chàng trai, cô gái đã tỏ ra vô cùng bất ngờ khi người bạn mình gặp gỡ quen biết qua mạng xã hội lại khác xa thực tế. Người ta thất vọng, chê bai thậm chí là làm nhục nhau. Bởi vì quen biết nhau qua những thước hình lung linh trên mạng, không ít bạn trẻ đã bị lừa lọc, bị dụ dỗ dẫn đến những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra.

Bởi vì hiện tượng sống ảo đang ngày càng trở nên phổ biến nên con người cũng dần đa nghi với những gì xảy ra quanh mình. Nhìn một tấm hình, nghe một lời quảng cáo, người ta thường hỏi “Có thật không đấy”, “ở ngoài thế nào”... Có lẽ, vì sống ảo nhiều nên chính ta cũng đang dần mất niềm tin vào con người và dễ thất vọng với những gì xung quanh.

Mạng xã hội là một công cụ hữu ích, làm đẹp mình cũng là việc nên làm nhưng nếu cứ sống ảo, cứ giả dối như vậy sẽ chỉ khiến chúng ta dần làm mất đi giá trị thật của chính bản thân mình. Vì vậy mỗi người cần sáng suốt, tỉnh táo và nên bài trừ việc sống ảo, hãy để những gì chân thật được trở lại là chính nó.

PHẦN NÓI VÀ NGHE

TIẾT 34

TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh.

2.1 Năng lực chuyên biệt

- *Nói*: Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một vấn đề xã hội.
- *Nghe*: Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- *Nói nghe tương tác*: Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

3. Về phẩm chất:

- Biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội xã hội cụ thể.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. **Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung**:

- GV: chuẩn bị clip về một bài đánh giá, bàn luận một vấn đề xã hội đang được quan tâm.

HS: xem clip

c. Sản phẩm:

- Bài viết đã chuẩn bị ở nhà của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV: Cho HS xem clip và đặt câu hỏi: “Hãy xác định vấn đề đang được bàn luận, đánh giá ở đây là gì?” https://youtu.be/tpmgADc4j8w HS: xem clip và dự trù câu trả lời Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xem clip và tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo thảo luận HS trả lời câu hỏi của GV Bước 4: Kết luận, nhận định GV dẫn dắt vào bài học: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.	Phản xem clip và câu trả lời của HS

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**a. Mục tiêu hoạt động:**

- HS trình bày được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận
- HS trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề; rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm:

- Phần chuẩn bị của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:**1. Tìm hiểu yêu cầu của bài nói.****a. Mục tiêu hoạt động:**

- Biết được cách tham gia cuộc thảo luận, trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, của bài nói.

c. Sản phẩm:

- Phần thảo luận, chuẩn bị của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn thể loại bài nói. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ <table border="1" data-bbox="203 1780 922 1837"> <tr> <td>Chuẩn bị nói</td><td></td></tr> </table>	Chuẩn bị nói		I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI - Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
Chuẩn bị nói			

Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt	Chuẩn bị nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận
- HS khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, kết luận

- Làm rõ được bản chất, vai trò của của vấn đề trong đời sống xã hội.
- Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể) , biết đánh giá, phân tích ý kiến của người khác.
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề
- Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội

2. Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu:

- Soát lại được bài nói của mình trước khi đưa ra thảo luận.
- Xác nhận lại đề tài thảo luận.
- Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để trình bày ý kiến trước tập thể.

b. Nội dung

- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm

- PHT thu thập từ HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị
- HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân
- HS thực hành lập dàn ý và nói theo phiếu ht.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành nói theo chủ đề

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

1. Chuẩn bị nói

a. Lựa chọn đề tài: Khi lựa chọn đề tài cho bài nói, HS có thể tham khảo những vấn đề đã được gợi ý ở phần Viết hoặc các vấn đề sau:

- Phải chăng việc thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng sẽ mâu thuẫn với quyền của cá nhân?
- Thế hệ trẻ với vấn đề hiến máu nhân đạo.
- Quan niệm về du học thế nào cho đúng?
- Học đại học có phải là con đường duy nhất để kiến tạo tương lai?

b. Tìm ý và sắp xếp ý

Nếu chọn vấn đề đã giải quyết ở phần Viết, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với nội dung bài nói để xác định hệ thống ý. Ghi lại theo kiểu gạch đầu dòng hoặc đánh số thứ tự các ý để xây dựng dàn ý cho bài nói.

Nếu chọn vấn đề khác, cần nghiên cứu kỹ đề tài, nhận thức đúng bản chất của vấn đề, các nội dung cụ thể cần đánh giá, bình luận. Có thể nêu một số câu hỏi, suy nghĩ và tự trả lời để tìm ý. HS có thể tham khảo dàn ý sau đây:

- Theo thống kê của bộ Lao động và xã hội, quý 4 năm 2017 cả nước có 1.071,2 nghìn lao động trong độ tuổi thất nghiệp, trong đó có 215,3 nghìn người có trình độ đại học trở lên bị thất nghiệp. Câu hỏi đặt ra là: “Vào đại học có phải con đường tiền thân duy nhất của tuổi trẻ ngày nay”. Đây là vấn đề đang được xã hội quan tâm vì nó có liên quan mật thiết tới tương lai của thế hệ học sinh của chúng ta và trên con đường lựa chọn theo đuổi đích đến ước mơ của mình.

Vào đại học là con đường đáng mơ ước, mở ra nhiều cơ hội

- Khi vào đại học, nếu thực sự có năng lực, khi ra trường sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn.
- Học đại học sẽ tạo nền tảng kiến thức vững chắc để sau này có thể tiến xa hơn, vận dụng nó vào trong công việc hiệu quả.

Nhưng vào đại học không phải con đường tiền thân duy nhất

- Tuy nhiên tấm bằng đại học không phải tấm vé bước vào đời để bạn muốn đến đâu tùy thích, đó chỉ là yếu tố nhỏ góp phần tạo cơ hội cho bạn trong cuộc sống.

- Sự thành công không phụ thuộc hoàn toàn vào thành tích học tập ở đại học mà phụ thuộc vào năng lực thực tế của mỗi người khi bước vào đời.
- Trên thực tế, ở một số ngành, cơ cấu đào tạo chưa căn cứ vào cơ cấu sử dụng nhân lực thực tiễn, dẫn đến tình trạng thừa thầy thiếu thợ.
- Trên thực tế, cuộc sống cũng chính là một trường đại học rộng lớn, dạy cho con người biết nhiều vấn đề thực tiễn, ở đó con người không học thông qua lý thuyết mà qua trải nghiệm.
- Nhiều người đã thực sự thành công mà không cần bước chân vào con đường đại học. (Lấy VD dẫn chứng)
- Vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ là người quyết định đến việc học hay không học đh. Tùy vào khả năng và định hướng bản thân để xây dựng cho mình con đường đi phù hợp. Học đại học k phải con đường duy nhất để thành công, nhưng là con đường ngắn nhất để đi tới thành công. Nhưng nếu mù quáng chen chân vào đại học rồi mới phát hiện nó không thật sự phù hợp đó là lãng phí thanh xuân, lãng phí tiền bạc.
- Chúng ta có thể lựa chọn cho mình con đường thích hợp khác, như học nghề, tập tành kinh doanh,...
- Ví dụ về những người thành công mà không cần học đại học: Henry Ford, Steve Jobs, Michael Dell, Bill Gates,...
- Tuy nhiên quan trọng nhất vẫn là chúng ta phải thực sự cố gắng với lựa chọn mình đã đặt ra thì mới có thể thành công được.

2. Thực hành nói

Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách tự tin. Chủ động tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Mở đầu: Nêu vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Triển khai:
 - + Phân tích, diễn giải để làm rõ bản chất vấn đề.
 - + Nêu rõ ràng, cụ thể ý kiến đánh giá của bản thân về vấn đề (có lý lẽ và bằng chứng cụ thể).
 - + Đối thoại với những ý kiến khác biệt để củng cố quan điểm của mình về vấn đề.
- Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề.

*Lưu ý: Điều chỉnh giọng nói phù hợp, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ; sử dụng

	PowerPoint (nếu có) và các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ khác. <i>Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói</i> <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Chuẩn bị nói</td></tr> <tr> <td colspan="2">Lựa chọn đề tài:</td></tr> <tr> <td>Tìm ý và sắp xếp ý</td><td>Xác định từ ngữ then chốt</td></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> </table>	Chuẩn bị nói		Lựa chọn đề tài:		Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt		
Chuẩn bị nói									
Lựa chọn đề tài:									
Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt								

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm

c. Sản phẩm:

- Phần trình bày bài nói – nghe của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình . Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm Bước 4. Kết luận, nhận định	Bảng kiểm thảo luận.

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Bảng kiểm thảo luận

Người nói	Người nghe
- Nắm bắt được những thắc mắc của người nghe để giải đáp thỏa đáng; tiếp thu ý kiến của người nghe để có những điều chỉnh cần thiết. - Khẳng định lại những quan điểm mà bản thân cho là có đầy đủ cơ sở.	- Chủ động nêu ý kiến thảo luận (thắc mắc cần được giải đáp; cách hiểu khác về bản chất vấn đề; quan điểm khác với người nói trong đánh giá, bình luận về vấn đề,...). - Cần hướng thảo luận vào cả hai khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói.

Rubric chấm:

Rubric đánh giá bài nói

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút được sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.		
3	Trình bày đúng bản chất của vấn đề.		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian; duy trì tương tác với người nghe.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm:

- Phần bàn luận của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

